

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

**MỤC LỤC**

	<b><u>Trang</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN VIÊN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 21
Phụ lục: Bảng tổng hợp giao dịch các bên liên quan	22 - 26

# **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI**

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội (gọi tắt là “ Công ty”) là doanh nghiệp cổ phần thành lập từ việc cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 0722/1999-QĐ BTM ngày 08 tháng 6 năm 1999 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương).

Trụ sở chính của Công ty tại số 49 đường Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Các đơn vị trực thuộc Công ty như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội tại Bắc Ninh.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội tại Lào Cai.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: PJC

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Trần Đắc Xuân	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Đức Huân	Ủy viên
	Ông Hoàng Xuân Sự	Ủy viên
	Ông Bùi Văn Thành	Ủy viên
	Ông Phạm Quốc Hùng	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Bùi Văn Thành	Giám đốc
	Ông Dương Văn Bích	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Ngọc Hoàn	Phó Giám đốc
	Ông Phạm Quốc Hùng	Phó Giám đốc

### **SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 kèm theo.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

---

**Bùi Văn Thành**

**Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2012*

*Số.189/2012/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM***BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

(Báo cáo kiểm toán này thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 101/2012/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM ngày 15/02/2012 do Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam đã phát hành)

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, lập ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội (gọi tắt là “ Công ty”) từ trang 04 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Báo cáo này phát hành thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 101/2012/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM phát hành ngày 15/02/2012 do thay đổi số dư nguồn vốn quỹ trình bày trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính..

*Lưu ý:*

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.16 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, hai hoạt động chính của Công ty có một phần cung cấp dịch vụ và hàng hóa lẫn cho nhau và được ghi nhận như doanh thu và chi phí của từng bộ phận. Theo đó, doanh thu và chi phí trên Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty tăng lên một khoản là 78.572.683.818 đồng.

Năm 2010, Công ty tính miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho toàn bộ phần thu nhập tăng thêm từ việc đầu tư thêm phương tiện vận tải phục vụ kinh doanh từ năm 2004 đến hết năm 2008 với số tiền là 1.629.117.659 đồng. Trong đó, số tính miễn giảm bổ sung từ năm 2007 đến năm 2009 là 1.275.661.437 đồng, năm 2010 số tiền là 353.456.222.đồng. Số tiền thuế thu nhập này Công ty tự tính và kê khai chưa được Cơ quan thuế kiểm tra.

---

**Nguyễn Anh Tuấn**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV  
Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM (CPA VIETNAM)**  
**Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.**  
*Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2012*

---

**Đình Văn Thắng**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1147/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>54.447.862.108</b>	<b>46.186.069.770</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>6.976.219.426</b>	<b>5.826.089.201</b>
1. Tiền	111	5.1	6.976.219.426	5.826.089.201
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>9.166.495.459</b>	<b>9.192.765.221</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		9.379.951.959	9.372.411.221
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(213.456.500)	(179.646.000)
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>30.894.692.677</b>	<b>25.309.158.707</b>
1. Phải thu khách hàng	131		26.832.906.428	21.172.187.112
2. Trả trước cho người bán	132		3.245.986.000	2.178.274.600
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	1.321.297.761	2.434.617.963
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(505.497.512)	(475.920.968)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.4</b>	<b>5.752.913.054</b>	<b>4.771.463.488</b>
1. Hàng tồn kho	141		5.762.724.054	4.781.274.488
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9.811.000)	(9.811.000)
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.657.541.492</b>	<b>1.086.593.153</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	1.140.888.334	615.538.179
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.795.006
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.6	296.206	118.286.121
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.7	516.356.952	350.973.847
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>79.784.254.351</b>	<b>61.466.091.165</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>76.216.486.751</b>	<b>53.852.470.639</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	66.273.734.734	51.693.862.503
- Nguyên giá	222		147.467.530.502	120.733.348.188
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(81.193.795.768)	(69.039.485.685)
3. Tài sản cố định vô hình	227		139.765.500	148.639.500
- Nguyên giá	228		177.480.000	177.480.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(37.714.500)	(28.840.500)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	9.802.986.517	2.009.968.636
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.548.967.600</b>	<b>7.534.320.526</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.10	1.800.000.000	1.800.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.11	5.734.320.526	5.734.320.526
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(3.985.352.926)	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>18.800.000</b>	<b>79.300.000</b>
3. Tài sản dài hạn khác	268		18.800.000	79.300.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270=100+200)	<b>270</b>		<b>134.232.116.459</b>	<b>107.652.160.935</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> <b>(300 = 310+330)</b>	<b>300</b>		<b>65.852.682.384</b>	<b>60.016.058.537</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>57.469.351.792</b>	<b>53.402.727.945</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		23.061.470.120	7.254.133.864
3. Người mua trả tiền trước	313		666.999.338	1.219.640.643
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	1.834.434.346	1.089.579.560
5. Phải trả người lao động	315		12.263.375.218	11.060.857.534
6. Chi phí phải trả	316	5.13	15.776.439.374	14.205.982.121
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.14	3.195.195.015	18.051.108.842
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		671.438.381	521.425.381
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>8.383.330.592</b>	<b>6.613.330.592</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333		480.000	480.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.15	7.590.000.000	5.820.000.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		792.850.592	792.850.592
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> <b>(400 = 410+430)</b>	<b>400</b>		<b>68.379.434.075</b>	<b>47.636.102.398</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.16	<b>68.379.434.075</b>	<b>47.636.102.398</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		31.263.000.000	15.650.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		20.897.031.309	18.660.199.031
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.585.139.430	2.683.845.430
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		12.634.263.336	10.642.057.937
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> <b>(440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>134.232.116.459</b>	<b>107.652.160.935</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng

Người lập

Giám đốc

Vũ Thị Nhâm

Hoàng Thị Thùy Linh

Bùi Văn Thành

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	1.118.767.717.956	804.792.141.397
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		1.118.767.717.956	804.792.141.397
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	1.080.993.901.144	775.398.853.440
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>37.773.816.812</b>	<b>29.393.287.957</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	1.845.203.456	721.327.445
7. Chi phí tài chính	22	5.20	4.166.760.092	1.056.956.071
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		82.950.000	928.750.367
8. Chi phí bán hàng	24		14.621.948.373	11.105.911.585
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.434.443.690	6.405.422.218
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>13.395.868.113</b>	<b>11.546.325.528</b>
11. Thu nhập khác	31	5.21	1.212.790.610	515.045.417
12. Chi phí khác	32	5.21	17.646.048	15.905.871
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>		<b>1.195.144.562</b>	<b>499.139.546</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>14.591.012.675</b>	<b>12.045.465.074</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.22	3.585.866.998	1.403.407.137
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>11.005.145.677</b>	<b>10.642.057.937</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	4.162	6.800

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng

Người lập

Giám đốc

Vũ Thị Nhâm

Hoàng Thị Thùy Linh

Bùi Văn Thành



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(theo phương pháp gián tiếp)*  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2011	Năm 2010
		VND	VND
1	2		5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>14.591.012.675</b>	<b>12.045.465.074</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	13.920.456.809	11.499.784.868
- Các khoản dự phòng	03	4.048.739.970	105.454.312
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.867.703.456)	(1.117.919.263)
- Chi phí lãi vay	06	82.950.000	1.056.956.071
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>29.775.455.998</b>	<b>23.589.741.062</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(5.990.408.698)	(102.423.597)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(981.449.566)	2.390.384.181
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.982.750.791	21.296.305.349
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(525.350.155)	(596.268.072)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(82.950.000)	(928.750.367)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.821.024.242)	(2.272.400.903)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	57.745.800	8.070.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.007.077.000)	(1.071.110.704)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>21.407.692.928</b>	<b>42.313.546.949</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(36.284.472.921)	(10.629.419.157)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.022.500.000	396.591.818
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(7.540.738)	(14.322.278.320)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	5.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.845.203.456	721.327.445
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(33.424.310.203)</b>	<b>(18.833.778.214)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	15.631.500.000	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	17.870.000.000	690.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(16.100.000.000)	(19.094.550.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.234.752.500)	(2.207.013.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>13.166.747.500</b>	<b>(20.611.563.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>1.150.130.225</b>	<b>2.868.205.735</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>5.826.089.201</b>	<b>2.957.883.466</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>6.976.219.426</b>	<b>5.826.089.201</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng

Người lập

Giám đốc

Vũ Thị Nhâm

Hoàng Thị Thùy Linh

Bùi Văn Thành

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp cổ phần thành lập từ việc cổ phần hoá doanh nghiệp nhà Nước theo Quyết định số 0722/1999-QĐ BTM ngày 08 tháng 6 năm 1999 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 055126 ngày 05 tháng 08 năm 1999, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 2 ngày 18 tháng 5 năm 2007, thay đổi lần 5 ngày 22 tháng 09 năm 2011, mã số doanh nghiệp 0100919284. Vốn điều lệ 30.724.100.000 đồng.

#### Sở hữu vốn

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số 0100919284 thay đổi lần 5 ngày 22/09/2011		Tại ngày 31/12/2011	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	15.963.000.000	52%	15.963.000.000	51.1%
Các cổ đông khác	14.761.100.000	48%	15.300.000.000	48.9%
<b>Cộng</b>	<b>30.724.100.000</b>	<b>100%</b>	<b>31.263.000.000</b>	<b>100%</b>

Địa chỉ đăng ký: 49 đường Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân: 480 người

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh vận tải xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu và các sản phẩm khác trong và ngoài nước;
- Tổng đại lý bán xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại xe xitec, xe bồn chuyên dùng, phụ tùng sửa chữa ô tô;
- Dịch vụ cơ khí sửa chữa và dịch vụ hàng tiêu dùng;
- Mua bán ô tô, máy, thiết bị xăng dầu vật tư, vật liệu xây dựng và các mặt hàng khoáng sản, nông thổ sản, dệt may, giày da;
- Kinh doanh dịch vụ cơ khí, xây lắp các công trình xăng dầu, bảo hành sửa chữa ô tô, xe máy, vật tư xăng dầu;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, dịch vụ ăn uống;
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành trong nước và quốc tế;
- Đầu tư tài chính;
- Đào tạo dạy nghề (lái xe, cơ khí, sửa chữa có động cơ; xây dựng, tin học);
- Tư vấn du học quốc tế;
- Dịch vụ giáo dục tiểu học, phổ thông;
- Đại lý bưu điện;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2011 là: kinh doanh vận tải xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu, kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu.

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Không có Chuẩn mực kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong năm tài chính 2011.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, phương pháp tính giá hàng tồn kho đối với xăng và dầu diezen theo phương pháp nhập trước xuất trước, đối với dầu mỡ nhờn theo phương pháp giá đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b><u>Số năm</u></b>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc và thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị văn phòng	03 - 05

**Tài sản cố định vô hình và hao mòn**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất tại Bản Phiệt, Lào Cai với diện tích là 1.224.000 m<sup>2</sup>, và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Thời gian khấu hao là 20 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Chi phí phải trả bao gồm chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, chi phí xấp xỉ, nhiên liệu và các chi phí khác.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác chủ sở hữu là phần vốn được chuyển từ quỹ đầu tư phát triển sản xuất để đầu tư tài sản cố định.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty. Hoặc quyết định của Hội đồng Quản trị.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Hiện nay, giá bán các mặt hàng xăng dầu trên thị trường được thực hiện theo giá định hướng do Nhà nước qui định thống nhất trên phạm vi cả nước theo từng giai đoạn và có sự điều chỉnh đối với từng vùng, miền. Giá bán mặt hàng xăng dầu do Bộ Tài chính qui định cho từng giai đoạn dựa trên sự biến động của giá xăng dầu nhập khẩu.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại .

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là Tổng Công ty Xăng Dầu và các Công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	3.050.586.544	1.465.917.470
Tiền gửi ngân hàng	3.925.632.882	4.360.171.731
<b>Tổng</b>	<b>6.976.219.426</b>	<b>5.826.089.201</b>

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

Nội dung	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		332.507.547		332.411.221
<i>Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sữa Hà Nội</i>	<i>1.400</i>	<i>50.991.547</i>	<i>1.400</i>	<i>50.895.221</i>
<i>Cổ phiếu Công ty Cổ phần Bảo hiểm PIJCO</i>	<i>8.923</i>	<i>231.516.000</i>	<i>8.923</i>	<i>231.516.000</i>
<i>Tiền mua cổ phiếu của Công ty Xi măng Đồng Bành</i>	<i>5.000</i>	<i>50.000.000</i>	<i>5.000</i>	<i>50.000.000</i>
Đầu tư ngắn hạn khác		9.047.444.412		9.040.000.000
<i>Gửi tiết kiệm Ngân hàng PG Bank</i>		<i>9.047.444.412</i>		<i>9.040.000.000</i>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(213.456.500)		(179.646.000)
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>9.166.495.459</b>	<b>-</b>	<b>9.192.765.221</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.3 Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu về cổ tức lợi nhuận được chia	-	8.550.514
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	3.001.963	9.927.190
Phải thu về giải quyết tai nạn giao thông	798.111.513	1.636.310.684
Phải thu bảo hiểm xe ô tô	396.670.045	582.636.289
Bảo hiểm thất nghiệp	-	932.207
Các khoản phải thu khác	123.514.240	196.261.079
<b>Tổng</b>	<b>1.321.297.761</b>	<b>2.434.617.963</b>

**5.4 Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	752.966.379	933.121.990
Công cụ, dụng cụ	38.888.000	35.137.500
Hàng hoá	4.970.869.675	3.813.014.998
<b>Tổng</b>	<b>5.762.724.054</b>	<b>4.781.274.488</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<b>(9.811.000)</b>	<b>(9.811.000)</b>
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>5.752.913.054</b>	<b>4.771.463.488</b>

**5.5 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tại ngày 1 tháng 1	615.538.179	-
Tăng	2.957.486.576	2.826.754.908
Phân bổ vào chi phí trong năm	2.432.136.421	2.211.216.729
Tại ngày 31 tháng 12	<b>1.140.888.334</b>	<b>615.538.179</b>

**Chi tiết theo nội dung**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí bảo hiểm vật chất	346.487.884	-
Chi phí thuê nhà	604.545.452	604.545.452
Chi phí sửa chữa	158.746.818	-
Chi phí công cụ dụng cụ	31.108.180	10.992.727
<b>Tổng</b>	<b>1.140.888.334</b>	<b>615.538.179</b>

**5.6 Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	118.286.121
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	296.206	-
<b>Tổng</b>	<b>296.206</b>	<b>118.286.121</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.7 Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	516.356.952	332.275.447
Tài sản thiếu chờ giải quyết	-	18.698.400
<b>Tổng</b>	<b>516.356.952</b>	<b>350.973.847</b>

**5.8 Tài sản cố định hữu hình***Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2011	14.207.532.444	1.680.317.012	104.197.187.702	648.311.030	120.733.348.188
Tăng trong năm	-	-	28.393.226.586	98.228.454	28.491.455.040
Mua trong năm			28.393.226.586	98.228.454	28.491.455.040
Giảm trong năm	-	-	1.757.272.726	-	1.757.272.726
Thanh lý, nhượng bán			1.757.272.726		1.757.272.726
Số dư tại 31/12/2011	14.207.532.444	1.680.317.012	130.833.141.562	746.539.484	147.467.530.502
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2011	4.883.899.492	780.629.988	62.950.788.677	424.167.528	69.039.485.685
Tăng trong năm	920.565.142	218.023.284	12.657.501.107	120.451.618	13.916.541.151
Khấu hao trong năm	915.606.803	218.023.281	12.657.501.107	120.451.618	13.911.582.809
Tăng khác	4.958.339	3			4.958.342
Giảm trong năm	-	4.958.339	1.757.272.726	3	1.762.231.068
Thanh lý, nhượng bán			1.757.272.726	-	1.757.272.726
Giảm khác		4.958.339	-	3	4.958.342
Số dư tại 31/12/2011	5.804.464.634	993.694.933	73.851.017.058	544.619.143	81.193.795.768
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2011	9.323.632.952	899.687.024	41.246.399.025	224.143.502	51.693.862.503
Tại ngày 31/12/2011	8.403.067.810	686.622.079	56.982.124.504	201.920.341	66.273.734.734

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 44.941.142.775 đồng, (năm 2010 là 42.366.766.427 đồng).



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tại ngày 1 tháng 1	2.009.968.636	7.032.778.094
Tăng trong năm	7.793.017.881	2.832.182.233
Giảm trong năm	-	7.854.991.691
<i>Kết chuyển vào chi phí</i>	-	7.854.991.691
<b>Tại ngày 31 tháng 12</b>	<b>9.802.986.517</b>	<b>2.009.968.636</b>

**Chi tiết theo công trình**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Mua sắm tài sản cố định	388.050.000	-
Cửa hàng Vạn Hòa - Lào Cai	1.496.547.821	797.831.819
Cửa hàng xăng dầu Nam Cường Lào Cai	3.109.466.969	1.212.136.817
Cửa hàng xăng dầu Cốc San Lào Cai	4.758.977.727	-
Cửa hàng xăng dầu Tân Tiến Hà Nội	49.944.000	-
	<b>9.802.986.517</b>	<b>2.009.968.636</b>

**5.10 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Công ty	Ngành nghề	% sở hữu vốn	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Sửa chữa Ô tô Việt Nam	Kinh doanh thương mại và Dịch vụ sửa chữa Ô tô	40%	1.800.000.000	1.800.000.000
			<b>1.800.000.000</b>	<b>1.800.000.000</b>

**5.11 Đầu tư dài hạn khác**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty Cổ phần Taxi Sài Gòn Petrolimex	5.734.320.526	5.734.320.526
<b>Tổng</b>	<b>5.734.320.526</b>	<b>5.734.320.526</b>

Khoản góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Taxi Sài Gòn để kinh doanh vận chuyển hành khách, kinh doanh nhà, đại lý xăng dầu, môi giới bất động sản với tỷ lệ vốn góp là 6,51%.

**5.12 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	734.532.238	1.084.277.964
Thuế thu nhập doanh nghiệp	646.556.635	-
Thuế thu nhập cá nhân	453.345.473	5.301.596
<b>Tổng</b>	<b>1.834.434.346</b>	<b>1.089.579.560</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.13 Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.610.379.123	1.498.537.000
Chi phí sắm lắp	12.215.924.092	9.896.750.041
Chi phí nhiên liệu	211.267.412	445.886.006
Chi phí khác	1.738.868.747	2.364.809.074
<b>Tổng</b>	<b>15.776.439.374</b>	<b>14.205.982.121</b>

**5.14 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí đoàn phí công đoàn	597.414.289	319.529.753
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.597.780.726	17.731.579.089
<i>Cước vận chuyển thuê ngoài</i>	-	1.042.797.592
<i>Cổ tức phải trả</i>	140.842.600	71.357.000
<i>Bội thường vật chất</i>	276.565.556	257.375.785
<i>Tiền phạt hành thêm cổ phiếu chưa được tăng vốn</i>	-	15.631.500.000
<i>Tiền thưởng của cán bộ nhân viên</i>	1.670.604.210	-
<i>Phải trả phải nộp khác</i>	509.768.360	728.548.712
<b>Tổng</b>	<b>3.195.195.015</b>	<b>18.051.108.842</b>

**5.15 Vay và nợ dài hạn**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>7.590.000.000</b>	<b>5.820.000.000</b>
Tiền thế chấp người lao động	4.880.000.000	4.530.000.000
Tiền thế chấp nhận xe ô tô sitec	2.710.000.000	1.290.000.000
<b>Tổng</b>	<b>7.590.000.000</b>	<b>5.820.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.16 Vốn chủ sở hữu**

**a. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Vốn khác của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Tổng</u>
<b>Số dư tại 01/01/2010</b>	<b>15.650.000.000</b>	<b>12.686.566.099</b>	<b>3.786.499.331</b>	<b>2.023.845.430</b>	<b>6.608.133.601</b>	<b>40.755.044.461</b>
<b>Tăng trong năm</b>	-	<b>5.973.632.932</b>	<b>2.187.133.601</b>	<b>660.000.000</b>	<b>10.642.057.937</b>	<b>19.462.824.470</b>
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.187.133.601	660.000.000	-	2.847.133.601
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	10.642.057.937	10.642.057.937
Tăng từ quỹ đầu tư	-	5.973.632.932	-	-	-	5.973.632.932
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	<b>5.973.632.932</b>	-	<b>6.608.133.601</b>	<b>12.581.766.533</b>
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	4.417.133.601	4.417.133.601
Tăng tài sản từ quỹ đầu tư	-	-	5.973.632.932	-	-	5.973.632.932
Chia cổ tức	-	-	-	-	2.191.000.000	2.191.000.000
<b>Số dư tại 31/12/2010</b>	<b>15.650.000.000</b>	<b>18.660.199.031</b>	<b>-</b>	<b>2.683.845.430</b>	<b>10.642.057.937</b>	<b>47.636.102.398</b>
<b>Số dư tại 01/01/2011</b>	<b>15.650.000.000</b>	<b>18.660.199.031</b>	<b>-</b>	<b>2.683.845.430</b>	<b>10.642.057.937</b>	<b>47.636.102.398</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>15.631.500.000</b>	<b>2.236.832.278</b>	<b>2.218.332.278</b>	<b>901.294.000</b>	<b>11.005.145.677</b>	<b>31.993.104.233</b>
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.218.332.278	901.294.000	-	5.337.958.556
Nhận góp vốn	15.631.500.000	-	-	-	-	15.631.500.000
Tăng từ quỹ đầu tư	-	2.218.332.278	-	-	-	2.218.332.278
Tăng khác	-	18.500.000	-	-	-	18.500.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	11.005.145.677	11.005.145.677
<b>Giảm trong năm</b>	<b>18.500.000</b>	-	<b>2.218.332.278</b>	-	<b>9.012.940.278</b>	<b>11.249.772.556</b>
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	4.711.566.278	4.711.566.278
Chia cổ tức	-	-	-	-	4.301.374.000	4.301.374.000
Tăng tài sản từ quỹ đầu tư	-	-	2.218.332.278	-	-	2.218.332.278
Giảm khác	18.500.000	-	-	-	-	18.500.000
<b>Số dư tại 31/12/2011</b>	<b>31.263.000.000</b>	<b>20.897.031.309</b>	<b>-</b>	<b>3.585.139.430</b>	<b>12.634.263.336</b>	<b>68.379.434.075</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	15.963.000.000	7.981.500.000
Cổ đông khác	15.300.000.000	7.668.500.000
<b>Tổng</b>	<b>31.263.000.000</b>	<b>15.650.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	15.650.000.000	15.650.000.000
Vốn góp tăng trong năm	15.631.500.000	-
Vốn góp giảm trong năm	18.500.000	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	31.263.000.000	15.650.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>4.301.374.000</b>	<b>2.191.000.000</b>

**d. Cổ phiếu**

	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
<b>Số lượng cổ phiếu lưu hành đầu năm</b>	<b>1.565.000</b>	<b>1.565.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>1.563.150</b>	-
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán</b>	<b>1.563.150</b>	-
Cổ phiếu phổ thông	1.563.150	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>3.126.300</b>	<b>1.565.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	3.126.300	1.565.000
Mệnh giá một cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

**5.17 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu bán xăng dầu	901.401.426.155	634.580.614.076
Doanh thu bán dầu mỡ nhờn	6.459.409.381	5.299.763.543
Doanh thu bán gas và các phụ kiện	22.147.636	220.701.894
Doanh thu bán hàng hóa khác	211.442.704	515.795.500
Doanh thu cung cấp dịch vụ	210.673.292.080	164.175.266.384
	<b>1.118.767.717.956</b>	<b>804.792.141.397</b>

Doanh thu, giá vốn nội bộ trong năm 2010 và năm 2011 lần lượt là 15.402.153.150 đồng và 78.572.683.818 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.18 Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn bán xăng dầu	882.916.737.782	620.474.238.899
Giá vốn bán dầu mỡ nhờn	5.442.323.652	4.697.900.316
Giá vốn bán gas và các phụ kiện	14.895.984	199.333.944
Giá vốn bán hàng hóa khác	184.777.539	403.787.500
Giá vốn cung cấp dịch vụ	192.435.166.187	149.623.592.781
<b>Tổng</b>	<b>1.080.993.901.144</b>	<b>775.398.853.440</b>

**5.19 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.417.275.356	434.611.445
Cổ tức, lợi nhuận được chia	427.928.100	286.716.000
<b>Tổng</b>	<b>1.845.203.456</b>	<b>721.327.445</b>

**5.20 Chi phí tài chính**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền vay	82.950.000	928.750.367
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	4.019.163.426	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	64.646.666	128.205.704
<b>Tổng</b>	<b>4.166.760.092</b>	<b>1.056.956.071</b>

**5.21 Lợi nhuận từ hoạt động khác**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>1.212.790.610</b>	<b>515.045.417</b>
Thu thanh lý tài sản cố định	1.022.500.000	396.591.818
Tiền bồi thường bảo hiểm	88.500.000	86.170.000
Thu nhập khác	101.790.610	32.283.599
<b>Chi phí khác</b>	<b>17.646.048</b>	<b>15.905.871</b>
Tiền phạt vi phạm hàng chính	14.704.417	15.905.871
Chi phí khác	2.941.631	-
<b>Thu nhập thuần</b>	<b>1.195.144.562</b>	<b>499.139.546</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN

**5.22 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	14.591.012.675	12.045.465.074
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế (chi phí không phù hợp cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp)	180.383.417	371.350.111
Phần thu nhập được miễn giảm do đầu tư tài sản	-	1.413.824.889
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế (lãi cổ tức nhận được)	427.928.100	286.716.000
<b>Lợi nhuận tính thuế</b>	14.343.467.992	10.716.274.296
Thuế suất áp dụng	25%	25%
<b>Chi phí thuế TNDN năm hiện hành</b>	3.585.866.998	<b>2.679.068.574</b>
Chi phí thuế TNDN của các năm trước được miễn giảm ưu đãi đầu tư	-	1.275.661.437
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>3.585.866.998</b>	<b>1.403.407.137</b>

Năm 2010, Công ty tính miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho toàn bộ phần thu nhập tăng thêm từ việc đầu tư thêm phương tiện vận tải phục vụ kinh doanh từ năm 2004 đến hết năm 2008 với số tiền là 1.629.117.659 đồng. Trong đó, số tính miễn giảm bổ sung từ năm 2007 đến năm 2009 là 1.275.661.437 đồng, năm 2010 số tiền là 353.456.222.đồng. Số tiền thuế thu nhập này Công ty tự tính và kê khai chưa được Cơ quan thuế kiểm tra.

**5.23 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	11.005.145.677	10.642.057.937
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	11.005.145.677	10.642.057.937
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.644.224	1.565.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>4.162</b>	<b>6.800</b>

**5.24 Chi phí sản xuất theo yếu tố**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	105.840.232.331	54.842.989.731
Chi phí nhân công	55.994.147.777	74.970.423.097
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.920.456.809	11.499.784.868
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.108.782.192	13.765.593.067
Chi phí khác bằng tiền	15.677.062.069	11.769.014.416
<b>Tổng</b>	<b>214.540.681.178</b>	<b>166.847.805.179</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Giao dịch trong nội bộ Tổng Công ty - được chi tiết tại Phụ lục 1 và phụ lục số 2 kèm theo.

**6.2 Số liệu so sánh**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited. Một số khoản mục đã được trình bày, phân loại lại cho phù hợp với mục đích trình bày Báo cáo tài chính năm hiện tại.

**Kế toán trưởng**

**Người lập biểu**

*Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2012*

**Giám đốc**

**Vũ Thị Nhâm**

**Hoàng Thị Thùy Linh**

**Bùi Văn Thành**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu 01-B/HN-CTC

**PHỤ LỤC I- BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN****BÁO CÁO CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Kỳ Báo cáo: Năm 2011

Đơn vị tính: VND

STT	Hình thức/ Đơn vị đầu tư	Ngày bắt đầu đầu tư	Vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư		Số lượng cổ phiếu phát hành	Số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ	Giá trị đầu tư (Đồng)	Tỷ lệ vốn góp	Mức độ ảnh hưởng	Tỷ lệ lợi ích
			Vốn điều lệ (Đồng)	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Đồng)						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>II</b>	<b>Vốn góp liên doanh (TK222)</b>		<b>4.500.000.000</b>	<b>4.500.000.000</b>	-	-	<b>1.800.000.000</b>	<b>40.0%</b>	<b>40.0%</b>	<b>40.0%</b>
1	Công ty Cổ phần Thương mại và Sửa chữa Ô tô Việt Nam	18/07/08	4.500.000.000	4.500.000.000	-	-	1.800.000.000	40.0%	40.0%	40.0%
<b>IV</b>	<b>Đầu tư dài hạn khác (TK228)</b>		<b>92.418.010.000</b>	<b>92.418.010.000</b>	<b>9.241.801</b>	<b>602.103</b>	<b>5.734.320.526</b>	<b>6.5%</b>	<b>6.5%</b>	<b>6.5%</b>
1	Công ty Cổ phần Taxi Sài Gòn Petrolimex	15/10/04	92.418.010.000	92.418.010.000	9.241.801	602.103	5.734.320.526	6.51%	6.51%	6.51%

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng

Giám đốc

Vũ Thị Nhâm

Bùi Văn Thành



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU 02B/HN-CTC

**PHỤ LỤC II- BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN****BÁO CÁO TIÊU THU NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Kỳ Báo cáo: Năm 2011

Phần II/ Doanh thu dịch vụ; Doanh thu tài chính và thu nhập khác

Đơn vị tính: VND

Stt	Mã nhóm	Mã đơn vị	Đơn vị mua	Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	Doanh thu hoạt động tài chính			Thu nhập khác
					Tổng số	Trong đó:		
						Cổ tức, lợi nhuận tạm tính (nếu có)	Cổ tức, lợi nhuận đã nhận	
A	B	C	D	1	2	3	4	5
1	XD	11001000	Công ty Xăng dầu Khu vực I	44.007.151.569	-	-	-	-
2	XD	11007000	Công ty Xăng dầu Bắc Thái	15.192.556.839	-	-	-	-
3	XD	11026000	Công ty Xăng dầu Điện Biên	26.200.268.602	-	-	-	-
4	XD	11040000	Công ty Xăng dầu Tuyên Quang	12.087.744.309	-	-	-	-
5	XD	11045000	Công ty Xăng dầu Lào cai	22.737.427.095	-	-	-	-
6	XD	11027000	Công ty Xăng dầu Yên Bái	12.794.502.805	-	-	-	-
7	XD	11006000	Công ty Xăng dầu Hà Bắc	6.493.662.980	-	-	-	-
8	XD	11035000	Công ty Xăng dầu Cao bằng	21.884.658.106	-	-	-	-
9	XD	11008000	Công ty Xăng dầu Phú Thọ	1.222.409.071	-	-	-	-
10	XD	11046000	Công ty Xăng dầu Hà Giang	19.667.135.645	-	-	-	-
11	CP	11005000	Công ty Xăng dầu B12	20.202.563.134	-	-	-	-
12	CP	11028000	Công ty Xăng dầu Thái Bình	3.469.806.377	-	-	-	-
13	CP	11056300	Công ty Cổ phần Taxi Gas Sài Gòn	-	427.928.100	-	427.928.100	-
			<b>Tổng</b>	<b>205.959.886.532</b>	<b>427 928 100</b>	-	<b>427 928 100</b>	-

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2012

Giám đốc

Vũ Thị Nhâm

Bùi Văn Thành

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU 03/HN-CTC

**PHỤ LỤC II- BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN****BÁO CÁO NHẬP XUẤT TỒN KHO HÀNG HÓA MUA NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Kỳ báo cáo: Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Stt	Mã nhóm	Mã đơn vị	Chỉ tiêu/Đơn vị bán	Xăng dầu	Hóa dầu	Gas, bếp và phụ kiện	Hàng hóa khác
A	B	C	D	1	2	3	4
<b>I</b>			<b>Giá trị hàng hóa mua nội bộ tồn kho đầu kỳ</b>	<b>2.742.112.694</b>	<b>812.917.502</b>	<b>93.715.984</b>	-
<b>II</b>			<b>Giá trị hàng hóa mua nội bộ trong kỳ</b>	<b>894.884.550.847</b>	<b>6.357.883.601</b>	-	<b>230.855.255</b>
1	XD	30000003	Công ty Xăng dầu KVI	805.179.146.737	2.557.126.704	-	151.640.338
2	XD	20001051	Công ty Cổ phần Hoá dầu Petrolimex HN		2.190.081.653	-	
3	CP	30000009	Công ty Xăng dầu Lào cai	74.063.374.359	733.751.931	-	
4	CP	30000001	Công ty Xăng dầu B12	9.684.644.308	575.772.042	-	65.684.917
5	XD	20001100	Công ty Xăng dầu yên Bái	12.396.277	-	-	
6	XD	20001130	Công ty Xăng dầu Điện Biên	1.679.510.391	-	-	
7	XD	20001040	Công ty Xăng dầu Phú Thọ	2.930.354.631	246.181.264	-	
8	XD	20001016	Công ty Xăng dầu Thái Bình	1.327.286.854	54.970.007	-	
9	XD	20001015	Công ty Xăng dầu Hà Giang	7.328.490	-	-	
10	CP	11.056.000	Công ty Cổ phần Gas Petrolimex		-		
11	CP	30050095	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex				13.530.000
<b>III</b>			<b>Giá trị hàng hóa xuất nội bộ xuất trong kỳ</b>	<b>894.249.652.986</b>	<b>5.628.306.880</b>	<b>75.395.984</b>	<b>230.855.255</b>
<b>IV</b>			<b>Giá trị hàng hóa mua nội bộ tồn kho cuối kỳ</b>	<b>3.377.010.555</b>	<b>1.542.494.223</b>	<b>18.320.000</b>	-

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng

Giám đốc

Vũ Thị Nhâm

Bùi Văn Thành

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU 04/HN-CTC

**PHỤ LỤC II - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN****BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI THU NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Kỳ báo cáo: Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Stt	Mã nhóm	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Phải thu khách hàng	Trả trước người bán	Phải thu theo tiến độ KHHĐXD	Phải thu khác	Kỳ quỹ ký cược
A	B	C	D	1	2	3	4	5
1	XD	11.001.000	Công ty Xăng dầu Khu vực I	3.053.147.788	-	-	-	-
2	XD	11.007.000	Công ty Xăng dầu Bắc Thái	1.599.780.576	-	-	-	-
3	XD	11.026.000	Công ty Xăng dầu Điện Biên	2.406.263.517	-	-	-	-
4	XD	11.040.000	Công ty Xăng dầu Tuyên Quang	1.656.688.857	-	-	-	-
5	XD	11.045.000	Công ty Xăng dầu Lào Cai	1.829.641.579	-	-	-	-
6	XD	11.027.000	Công ty Xăng dầu Yên Bái	1.491.252.363	-	-	-	-
7	XD	11.006.000	Công ty Xăng dầu Hà Bắc	1.006.587.751	-	-	-	-
8	XD	11.035.000	Công ty Xăng dầu Cao bằng	1.962.030.806	-	-	-	-
9	XD	11.046.000	Công ty Xăng dầu Hà Giang	2.456.103.908	-	-	-	-
10	XD	11.005.000	Công ty Xăng dầu B12	1.264.345.576	-	-	-	-
11	XD	11.038.000	Công ty Xăng dầu Phú Thọ	134.216.145	-	-	-	-
12	XD	11.028.000	Công ty Xăng Dầu Thái Bình	228.225.284	-	-	-	-
13	CP	11.023.000	Công ty Cổ phần Gas Petrolimex	-	-	-	-	18.800.000
			<b>Tổng</b>	<b>19.088.284.150</b>	-	-	-	<b>18.800.000</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng

Giám đốc

Vũ Thị Nhâm

Bùi Văn Thành

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI PETROLIMEX HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU 05 HN-CTC

**PHỤ LỤC II - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN****BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI TRẢ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Kỳ Báo cáo: Năm 2011

Đơn vị tính: VND

Stt	Mã nhóm	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Phải trả người bán	Người mua trả tiền trước	Phải trả theo tiến độ KH HĐXD	Phải trả phải nộp khác	Nhận ký quỹ ký cược
A	B	C	D	1	2	3	4	5
1	XD	11.001.000	Công ty Xăng dầu Khu vực I	16.986.893.412	-	-	-	-
2	CP	11.005.000	Công ty Xăng dầu B12	565.092.131	-	-	-	-
3	XD	11.008.000	Công ty Xăng dầu Phú Thọ	12.272.968	-	-	-	-
6	XD	11.002.400	Công ty Cổ phần Hoá dầu Petrolimex	57.144.538	-	-	-	-
7	CP	11.056.000	Công ty Cổ phần Gas Petrolimex	13.400.000	-	-	-	-
			<b>Tổng</b>	<b>17.634.803.049</b>	-	-	-	-

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2012

Giám đốc

Vũ Thị Nhâm

Bùi Văn Thành

